

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5561/BTC-HCSN

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2022

V/v lấy ý kiến dự thảo Thông
tur hướng dẫn quản lý, thu chi
đối với lễ hội và di tích (lần 4)

Kính gửi:

VĂN PHÒNG TW GHPG VN	
CÔNG	Số: 317
VĂN	Ngày: 15/6/2022
ĐẾN	Chuyên:
	Lưu:

- Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ);
- Ban Dân vận Trung ương;
- Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam; ✓
- Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 29/3/2022, Bộ Tài chính có công văn số 2838/BTC-HCSN gửi lấy ý kiến các bộ, cơ quan trung ương có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, một số tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận có số lượng tín đồ lớn, gửi đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi nhân dân đối với dự thảo Thông tur (lần 3).

Đến ngày 13/6/2022 (sau hơn 60 ngày gửi xin ý kiến), Bộ Tài chính nhận được tổng số 348 ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và cá nhân. Bộ Tài chính đã tổ chức nghiên cứu các ý kiến góp ý để hoàn chỉnh dự thảo Thông tur. Sau đây là nội dung giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý về dự thảo Thông tur:

I. Những ý kiến tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo Thông tur**1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)**

Có ý kiến đề nghị xác định rõ hơn phạm vi điều chỉnh của Thông tur, trong đó: (1) Nêu rõ 2 chủ thể lễ hội: do cơ quan nhà nước tổ chức và không phải do cơ quan nhà nước tổ chức; (2) Nêu rõ 4 chủ thể di tích: Di tích là cơ sở tôn giáo, do tổ chức tôn giáo quản lý, sử dụng; di tích thuộc sở hữu tư nhân; di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý di tích kiêm nhiệm quản lý, sử dụng. Một số ý kiến khác đề nghị bổ sung di tích giao cho người đại diện cơ sở tín ngưỡng quản lý, sử dụng; cơ sở tín ngưỡng, các chùa không phải là di tích.

Bộ Tài chính tiếp thu các ý kiến và chỉnh sửa tại Điều 1. Đối với cơ sở tín ngưỡng không phải là di tích, do Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ giao Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, thu chi tiền công đức, tài trợ cho di tích. Vì vậy, các cơ sở tín ngưỡng và cơ sở tôn giáo (trong đó có chùa) chưa được xếp hạng di tích thì không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tur.

2. Về giải thích từ ngữ (Điều 3)

2.1. Có ý kiến đề nghị bổ sung giải thích: di tích thuộc sở hữu tư nhân; di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý di tích kiêm nhiệm, người

đại diện cơ sở tín ngưỡng đã được xếp hạng là di tích. Bộ Tài chính tiếp thu và bổ sung tại các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 3 dự thảo Thông tư.

2.2. Về tiền công đức, tài trợ:

Có ý kiến đề nghị làm rõ hơn định nghĩa tiền công đức, chỉ tiền công đức cho tổ chức tôn giáo mới được tặng cho theo lễ nghi tôn giáo, còn tiền tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội không bắt buộc phải theo lễ nghi tôn giáo; tiền công đức, tiền đặt lễ, tiền dâng cúng không phải là khoản đóng góp. Có một số ý kiến khác đề nghị bổ sung tiền công đức, bao gồm cả tiền của tổ chức, cá nhân đưa trực tiếp cho thủ nhang hoặc sư trụ trì tại di tích.

Bộ Tài chính tiếp thu và chỉnh sửa tại khoản 9 Điều 3, trong đó bỏ nội dung: *“tiền đặt lễ, tiền khấn, tiền giọt dầu và những loại tiền đóng góp tự nguyện tương tự được thể hiện thông qua lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau”*.

3. Về tiếp nhận, quản lý, sử dụng kinh phí đối với lễ hội không phải do cơ quan nhà nước tổ chức (Điều 6)

Có ý kiến không tán thành khoản 2: Khi kết thúc lễ hội *“phải tổng kết việc thu, chi cho công tác tổ chức lễ hội; nội dung tổng kết này được thể hiện trong báo cáo kết quả tổ chức lễ hội gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký hoặc thông báo tổ chức lễ hội...”* vì Nghị định số 110/2018/NĐ-CP không quy định phải báo cáo kết quả thu, chi cho tổ chức lễ hội.

Bộ Tài chính tiếp thu và bỏ khoản 2 nêu trên.

4. Về quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích là cơ sở tôn giáo, do tổ chức tôn giáo quản lý, sử dụng (Điều 10):

Có ý kiến đề nghị chỉnh sửa Điều 10 theo hướng tại khoản 1 khẳng định rõ: Tiền công đức, tài trợ cho di tích là cơ sở tôn giáo, do tổ chức tôn giáo quản lý, sử dụng là tài sản của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

Có ý kiến cho rằng: Quy định tại khoản 3 Điều 10 cho phép lấy tiền công đức, tài trợ cho di tích là cơ sở tôn giáo để trích chi cho công tác tổ chức lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức, rất cần phải xem xét lại vì khi áp dụng sẽ rất khó và có thể không áp dụng được ở một số cơ sở thờ tự của một số tôn giáo. Có ý kiến còn băn khoăn: có nhiều di tích là cơ sở tôn giáo không sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) để phục dựng, tổ chức tôn giáo tự huy động kinh phí xã hội hóa để thực hiện; công tác quản lý sau đầu tư có thực hiện theo Thông tư? nguồn nợ tài trợ chính do Trụ trì cần xử lý như thế nào? cần làm rõ và phân biệt với những cơ sở sử dụng NSNN để tạo sự đồng thuận cao của tổ chức tôn giáo.

Bộ Tài chính tiếp thu các ý kiến và chỉnh sửa tại Điều 10, trong đó khẳng định rõ: Tiền công đức, tài trợ cho di tích là cơ sở tôn giáo, do tổ chức tôn giáo quản lý, sử dụng là tài sản của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc vận dụng các quy định có liên quan tại Thông tư này để thực hiện việc tiếp nhận tiền công đức, tài trợ và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

5. Về quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích giao cho người đại diện cơ sở tín ngưỡng quản lý, sử dụng (Điều 12)

Có ý kiến đề nghị bổ sung một điều quy định về di tích giao cho người đại diện cơ sở tín ngưỡng quản lý, sử dụng trên cơ sở quy định tại Điều 11 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (cụ thể: cơ sở tín ngưỡng phải có người đại diện để chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động diễn ra tại cơ sở tín ngưỡng; UBND cấp xã tổ chức đề cử đồng dân cư bầu, cử người đại diện. Căn cứ kết quả bầu, cử, UBND cấp xã có văn bản công nhận người đại diện cơ sở tín ngưỡng).

Bộ Tài chính tiếp thu và bổ sung tại Điều 12 dự thảo Thông tư, trong đó khẳng định: Tiền công đức, tài trợ cho di tích giao cho người đại diện cơ sở tín ngưỡng quản lý, sử dụng là tài sản thuộc sở hữu chung của cộng đồng. Người đại diện cơ sở tín ngưỡng vận dụng các quy định có liên quan tại Thông tư này để thực hiện việc tiếp nhận tiền công đức, tài trợ và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

6. Về quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng (Điều 13)

6.1. Về nội dung sử dụng tiền công đức, tài trợ:

Có nhiều ý kiến đề nghị bổ sung nội dung điều tiết một phần số thu để tạo nguồn kinh phí chi hoạt động tu bổ, phục hồi di tích khác trên địa bàn. Mức trích trên số thu, mức cụ thể tùy theo từng di tích do địa phương quyết định bảo đảm phù hợp với thực tế. Nguồn kinh phí này được quản lý tại Kho bạc Nhà nước, chỉ sử dụng cho việc tu bổ, phục hồi di tích, không sử dụng để chi thường xuyên. Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL) chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ tham mưu cho UBND cấp tỉnh triển khai thực hiện. Các đơn vị được giao quản lý di tích xây dựng quy chế tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ đảm bảo tương thích với nội dung của Thông tư, phù hợp với tình hình điều kiện thực tế địa phương, của từng di tích.

Bộ Tài chính tiếp thu và chỉnh sửa tại Điều 13. Đối với nội dung quản lý, sử dụng nguồn kinh phí điều tiết cho việc tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn cấp tỉnh được bổ sung tại Điều 16, trong đó Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao Sở VHTTDL chủ trì quản lý (tương tự như đang thực hiện ở tỉnh Nghệ An theo quy định tại Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 16/02/2016 của UBND tỉnh Nghệ An).

6.2. Vấn đề khác phát sinh từ thực tế:

Trong thời gian gửi lấy ý kiến lần 3, Bộ Tài chính phối hợp với Bộ VHTTDL, Ban Tôn giáo Chính phủ đi khảo sát thực tế ở một số địa phương, được biết: Tại di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý có cơ sở tôn giáo (chủ yếu là chùa), di tích thuộc nhóm này không nhiều, chỉ có ở một số khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt, di tích danh lam thắng cảnh; thực tế đã xảy ra những va chạm, thậm chí là tranh chấp ở một số nơi, chính quyền địa phương đã phải vào cuộc và có văn bản quy định về tiếp nhận, sử dụng tiền công đức, tài trợ, cụ thể:

- **Tại khu di tích Côn Sơn-Kiếp Bạc ở tỉnh Hải Dương**, có chùa Côn Sơn: Ban Quản lý di tích Côn Sơn-Kiếp Bạc ban hành Quyết định số 154/QĐ-BQLDT ngày 01/12/2017 ban hành quy chế quy định tổ chức thu, quản lý và sử dụng tiền, tài sản do các tổ chức, cá nhân công đức tại chùa Hun- Côn Sơn (sau khi có ý kiến thống nhất của các Sở VH-TT-DL, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh, Trụ trì chùa Côn Sơn và ý kiến đồng ý của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương tại công văn số 1198/UBND-VP ngày 09/5/2017), trong đó quy định phân bổ nguồn thu công đức tại chùa như sau: Trích 50% nộp NSNN để đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích theo Luật Di sản văn hóa; 15% để lại cho Ban quản lý di tích Côn Sơn-Kiếp Bạc để chi thường xuyên (trong đó có duy tu, sửa chữa thường xuyên) và hoạt động lễ hội; 35% chuyển vào tài khoản của Trụ trì chùa Côn Sơn mở tại ngân hàng thương mại. Thành phần tiếp nhận tiền công đức tại chùa Côn Sơn gồm đại diện nhà chùa, Ban quản lý di tích, Phòng Tài chính Chí Linh.

- **Tại khu di tích danh thắng Yên Tử ở Quảng Ninh**, có một số chùa phật giáo: UBND tỉnh Quảng Ninh có công văn số 2108/UBND-TM2 ngày 16/5/2007 chỉ đạo: Trích 4% số tiền công đức thực thu tại khu di tích Yên tử để lại cho Ban quản lý di tích để phục vụ công tác quản lý. Theo đó 96% số thu tiền công đức tại các chùa do nhà chùa quản lý phục vụ hoạt động tôn giáo và tu bổ chùa. Thành phần tiếp nhận tiền công đức, tài trợ tại các chùa gồm đại diện nhà chùa, Ban quản lý di tích Yên Tử, cơ quan chức năng TP Uông Bí phối hợp thực hiện.

- **Tại di tích quốc gia đặc biệt chùa Keo ở tỉnh Thái Bình**, có chùa Keo: Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn công đức được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình, trong đó quy định: Trích tối thiểu 55% cho công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; 45% để chi hoạt động thường xuyên của Ban quản lý di tích.

- **Tại khu di tích đền Trần, chùa Tháp ở tỉnh Nam Định**: Hội đồng nhân dân thành phố Nam Định có Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 và số Nghị quyết 22/NQ-HĐND ngày 21/12/2011 quy định: Số thu công đức tại di tích đền Trần, chùa Tháp được nộp 100% vào tài khoản tiền gửi của Ban quản lý di tích mở tại Kho bạc Nhà nước để trích: 5% phục vụ công tác thu; 57% chi đầu tư xây dựng khu di tích đền Trần, chùa Tháp và các di tích khác của địa phương; 38% chi công tác quản lý của Ban quản lý di tích đền Trần, chùa Tháp.

- **Tại khu di tích lịch sử Đền Hùng ở tỉnh Phú Thọ**, có chùa Thiên Quang: Đại diện nhà chùa và Ban quản lý di tích tuy chưa có văn bản về mức trích từ nguồn công đức, tài trợ cho nhà chùa, nhưng hàng năm, nhà chùa tự nguyện trích một phần từ số thu tiền công đức, tài trợ cho chùa theo số tiền cụ thể, mỗi năm khoảng 20-30 triệu đồng cho Ban quản lý di tích để chi phí quản lý chung.

Tại khoản 1 và khoản 3 Điều 56 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định như sau: “1. Tài sản của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo bao gồm tài sản được hình thành từ đóng góp của thành viên tổ chức; quyên góp, tặng cho của tổ chức, cá nhân hoặc các nguồn khác theo quy định của pháp luật;... 3. Cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo được hình thành theo tập quán, do các thành viên của cộng đồng cùng nhau đóng góp, quyên góp, được tặng cho chung hoặc từ các

nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật nhằm phục vụ nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng là tài sản thuộc sở hữu chung của cộng đồng”.

Để bảo đảm phù hợp với thực tế đang thực hiện tại các địa phương, Bộ Tài chính bổ sung tại khoản 4 Điều 13 quy định đối với trường hợp trên địa bàn di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý có di tích là cơ sở tôn giáo tương ứng với quy định tại khoản 1 và 3 Điều 56 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo như sau:

Trường hợp 1: Cơ sở tôn giáo được hình thành từ đóng góp của thành viên tổ chức; quyên góp, tặng cho của tổ chức, cá nhân hoặc các nguồn khác theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo:

Việc tiếp nhận tiền công đức, tài trợ và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích thuộc quyền và trách nhiệm của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm chi trả cho đơn vị sự nghiệp công lập một phần chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình phụ trợ dùng chung; chi phí bảo đảm an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường và các khoản chi phí quản lý chung khác trên địa bàn di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng. Mức chi trả tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên số thu tiền công đức, tài trợ và quy định trong Quyết định của cấp có thẩm quyền về tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ của đơn vị sự nghiệp công lập (*tương tự như đang thực hiện tại Khu di tích danh thắng Yên Tử, Quảng Ninh*).

Trường hợp 2: Cơ sở tôn giáo được hình thành theo tập quán, do các thành viên của cộng đồng cùng nhau đóng góp, quyên góp, được tặng cho chung theo quy định tại khoản 3 Điều 56 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo:

Việc tiếp nhận tiền công đức, tài trợ và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích thuộc quyền và trách nhiệm của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc và đơn vị sự nghiệp công lập.

Số tiền công đức, tài trợ đã tiếp nhận được sử dụng như sau: Trích theo tỷ lệ phần trăm (%) cho người đại diện cơ sở tôn giáo để sử dụng cho hoạt động của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; phần còn lại giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý để sử dụng cho hoạt động đặc thù về bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo quy định tại khoản 2 Điều 15 dự thảo Thông tư. Mức trích cụ thể được quy định trong Quyết định của cấp có thẩm quyền về tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ của đơn vị sự nghiệp công lập (*tương tự như đang thực hiện tại di tích Côn Sơn-Kiếp Bạc ở Hải Dương, di tích chùa Keo ở Thái Bình*).

II. Một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau

1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Có ý kiến cho rằng: Việc quản lý, thu chi tài chính đối với lễ hội do tổ chức tôn giáo tổ chức; tiền công đức cho tổ chức tôn giáo; tiền tài trợ cho di tích là cơ sở tôn giáo do tổ chức tôn giáo sở hữu; tiền tài trợ cho hoạt động lễ hội do tổ chức tôn giáo tổ chức không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư.

Có ý kiến đề nghị đối với các cơ sở tôn giáo đã tự chủ hoàn toàn, thậm chí tự chủ được cả kinh phí phục vụ cho hoạt động lễ hội và các hoạt động thiện nguyện mà không cần sử dụng NSNN thì việc kiểm soát trực tiếp vấn đề thu, chi và hoạt động là không cần thiết. Đề nghị cân nhắc về phạm vi điều chỉnh đối với việc quản lý, thu chi tiền công đức, tài trợ cho di tích.

Có ý kiến cho rằng, Thông tư có phạm vi điều chỉnh rộng, đối tượng áp dụng nhạy cảm, đề nghị Bộ Tài chính cần đầu tư thêm thời gian nghiên cứu thận trọng, tham khảo ý kiến các nhà khoa học, các cơ quan liên quan, các chức sắc, chức việc, trí thức tôn giáo trước khi xin ý kiến góp ý vào dự thảo Thông tư.

Về nội dung này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Thứ nhất, phạm vi điều chỉnh của Thông tư được thể hiện theo đúng quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP, theo đó, tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP có hoạt động thu, chi cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội trên lãnh thổ Việt Nam thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Thứ hai, theo số liệu thống kê, cả nước hiện nay có gần 9.000 lễ hội, trong đó có khoảng 7.000 lễ hội dân gian truyền thống, gần 1.400 lễ hội tôn giáo, hơn 400 lễ hội lịch sử, cách mạng,... ngoài ra có gần 30 lễ hội du nhập từ nước ngoài. Về di tích, cả nước có hơn 41.000 di tích, thắng cảnh trong đó có hơn 4.000 di tích đã được xếp hạng di tích quốc gia và hơn 9.000 di tích đã được xếp hạng cấp tỉnh. Vì vậy, việc ban hành Thông tư này là hết sức cần thiết, lý do:

- Thực tế hiện nay, việc thu chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội còn nhiều bất cập, thậm chí đã xảy ra tranh chấp ở một số địa phương, làm ảnh hưởng đến những giá trị tốt đẹp của di tích và hoạt động lễ hội.

- Việc quản lý di tích và tổ chức lễ hội cần được đặt trong bối cảnh mới, bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau, trong đó có yếu tố kinh tế thị trường, đòi hỏi các vấn đề liên quan đến lợi ích vật chất cần phải được quản lý theo hướng minh bạch, rõ ràng.

- Thực tế người dân có nhu cầu rất lớn trong việc đóng góp tu bổ, phục hồi di tích và tổ chức lễ hội, vì vậy cần có hành lang pháp lý phù hợp để vừa tạo điều kiện cho người dân và các tổ chức tham gia đóng góp phát triển văn hóa đất nước, vừa tạo ra sự tin tưởng, minh bạch trong các hoạt động này, giúp đóng góp tích cực hơn cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích và lễ hội nói riêng, phát triển văn hóa của đất nước nói chung.

Thứ ba, dự thảo Thông tư này đã được Bộ Tài chính cầu thị, nghiên cứu thận trọng trong thời gian dài (từ đầu năm 2019) và nghiêm túc tiếp thu, chỉnh lý qua 3 lần gửi xin ý kiến các bộ, cơ quan trung ương có liên quan, UBND các tỉnh, thành phố, các tổ chức tôn giáo, gửi đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi nhân dân. Bộ Tài chính cũng đã phối hợp với Bộ VH-TT-DL, Ban Tôn giáo Chính phủ đi khảo sát thực tế tại một số địa phương để hoàn thiện dự thảo Thông tư.

Do Thông tư được xác định có những nội dung nhạy cảm, nên trước khi gửi xin ý kiến lần 3, Bộ Tài chính đã tổ chức cuộc họp vào ngày 18/3/2022 với đại diện Bộ VH-TT-DL, Ban Tôn giáo Chính phủ và một số tổ chức tôn giáo, trong đó có Giáo hội Phật giáo Việt Nam để trao đổi về nội dung dự thảo Thông tư. Khi gửi xin ý kiến lần 3, các tổ chức thuộc Công giáo, Tin lành, Cao đài, Hòa hảo, Hồi giáo không có ý kiến.

Thứ tư, sau khi dự thảo Thông tư được công khai lấy ý kiến, qua theo dõi tham gia của một số nhà khoa học, chuyên gia kinh tế, nhà quản lý¹, Bộ Tài chính nhận thấy, cơ bản các ý kiến đều ủng hộ việc tăng cường tính công khai, minh bạch trong quản lý nguồn tiền công đức và chi cho lễ hội.

2. Về tiếp nhận, quản lý, sử dụng kinh phí đối với lễ hội không phải do cơ quan nhà nước tổ chức (Điều 6)

Có ý kiến không tán thành quy định tại Điều 6: tổ chức tôn giáo tổ chức lễ hội “*phải mở sổ ghi chép đầy đủ các khoản thu, chi cho công tác tổ chức lễ hội*” vì việc quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội do tổ chức tôn giáo tổ chức là công việc nội bộ của tổ chức tôn giáo, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư. Nhà nước chỉ khuyến khích chứ không bắt buộc tổ chức tôn giáo phải mở sổ ghi chép đầy đủ các khoản thu, chi cho công tác tổ chức lễ hội.

Bộ Tài chính bảo lưu nội dung nêu trên, lý do:

- Tại điểm e khoản 2 Điều 7 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP quy định trách nhiệm của cơ quan, đơn vị tổ chức lễ hội: “*quản lý và sử dụng nguồn thu từ hoạt động lễ hội hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng mục đích*”.

- Tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín

¹ - PGS, TS Phạm Ngọc Trung, giảng viên cao cấp ngành Văn hóa học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Báo Giao Thông ngày 12/4/2022): Dự thảo Thông tư chia ra các trường hợp cụ thể là rất phù hợp, thể hiện sự linh hoạt. Việc có một Thông tư quy định quản lý, thu chi tài chính tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội ở thời điểm hiện tại là rất cần thiết; lâu nay, chúng ta chưa quản lý lĩnh vực này. Đối với di tích có hoạt động lễ hội truyền thống thường có số tiền công đức lớn, vì vậy, cần nộp vào Kho bạc Nhà nước để điều tiết. Còn những cơ sở thờ tự nhỏ lẻ nên để họ tự quản lý dòng tiền công đức.

- Luật sư Nguyễn Văn Hậu, Phó chủ nhiệm Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Báo Giao Thông ngày 12/4/2022): Hiện nay việc quản lý dòng tiền công đức là do ban quản lý thờ tự, trách nhiệm giám sát chủ yếu là cộng đồng. Việc minh bạch số tiền công đức là bao nhiêu, sử dụng thế nào chưa có cơ chế. Việc mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại nhằm mục đích minh bạch dòng tiền “ra - vào”, điều này không ảnh hưởng đến việc tiếp nhận tiền công đức, tài trợ cho các cơ sở tôn giáo.

- PGS, TS Đinh Trọng Thịnh, chuyên gia kinh tế (Báo Tiền phong ngày 05/4/2022): Trước tới nay, việc quản lý dòng tiền cúng dường, đóng góp vào các cơ sở tôn giáo nói chung, chùa chiền được xem là lĩnh vực nhạy cảm và do cơ sở tôn giáo chủ động trong việc thu chi, quản lý. Việc quản lý số tiền này xảy ra nhiều bất cập, đã đến lúc cơ quan chức năng cần phải vào cuộc, không nên coi tiền công đức là “nhạy cảm”... Việc quản lý tiền công đức tại cơ sở tôn giáo thực hiện qua tài khoản ngân hàng sẽ giúp minh bạch, tạo được niềm tin cũng như phát huy hiệu quả và đem lại lợi ích chung cho toàn thể cộng đồng.

- Ông Nguyễn Bá Hiên, Trưởng Ban quản lý di tích và thắng cảnh Hương Sơn, chùa Hương (Báo Tiền phong ngày 05/4/2022): Câu chuyện minh bạch quản lý, sử dụng tiền công đức được đặt ra từ hàng chục năm nay, cho nên dự thảo Thông tư này nhận được sự ủng hộ của phần đông cộng đồng, các Ban quản lý di tích. Thông tư này tạo hành lang pháp lý giúp “công khai minh bạch tiền công đức cũng như hướng dẫn sử dụng một phần tiền công đức cho tổ chức lễ hội”.

ngưỡng, tôn giáo, quy định: “Hoạt động quyền góp của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc phải có sổ sách thu, chi bảo đảm công khai, minh bạch”.

- Tại khoản 1 Điều 30 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định: “*tổ chức tôn giáo là pháp nhân phi thương mại*”. Theo quy định của Luật Kế toán, đối tượng áp dụng bao gồm *tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước* (khoản 3 Điều 2); yêu cầu kế toán bao gồm phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh vào chứng từ kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính (khoản 1 Điều 5).

Căn cứ các quy định nêu trên, tổ chức tôn giáo khi tổ chức lễ hội phải có sổ sách thu, chi bảo đảm công khai, minh bạch và phải mở sổ kế toán để phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh vào chứng từ kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật kế toán.

3. Có ý kiến khác đề nghị rà soát, bổ sung từ “tôn tạo” vào cuối cụm từ “*bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích*”.

Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Nội dung bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích được giải thích tại Điều 4 Luật Di sản văn hóa, trong đó, tại khoản 12 quy định “*Tu bổ di tích là hoạt động nhằm tu sửa, gia cố, tôn tạo di tích*”. Theo đó, “tôn tạo” là một nội dung cụ thể của tu bổ di tích, nên không cần thiết bổ sung “tôn tạo”.

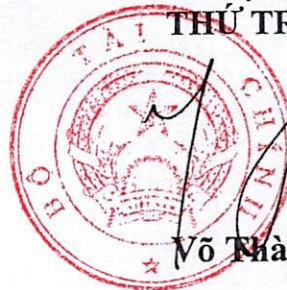
Trên cơ sở các nội dung nêu trên, Bộ Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Thông tư (kèm theo), đề nghị Quý cơ quan, tổ chức có ý kiến tham gia lần cuối trước khi ban hành. Văn bản góp ý đề nghị gửi về Bộ Tài chính theo địa chỉ: Số 28 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội *trước ngày 25 tháng 6 năm 2022*.

Rất mong nhận được ý kiến góp ý của Quý cơ quan, tổ chức./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Bộ: Tư pháp, Công an (để biết);
- Vụ NSNN, PC;
- Lưu: VT, HCSN.(12b) *thv*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Thành Hưng

Số: /2022/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

THÔNG TƯ

Quy định quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội;

Căn cứ Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về:

a) Quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội, bao gồm lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức và lễ hội không phải do cơ quan nhà nước tổ chức;

b) Quản lý, thu chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội, bao gồm di tích là cơ sở tôn giáo, do tổ chức tôn giáo quản lý, sử dụng; di tích thuộc sở hữu tư nhân; di tích giao cho người đại diện cơ sở tín ngưỡng, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý di tích kiêm nhiệm quản lý, sử dụng.

2. Thông tư này không điều chỉnh việc quản lý, thu chi tiền công đức, tài trợ cho cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động lễ hội theo quy định tại Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ.
2. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích.
3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đúc, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức* là lễ hội thuộc các trường hợp sau:
 - a) Lễ hội do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp tổ chức;
 - b) Lễ hội do cơ quan nhà nước ở trung ương tổ chức, trong đó người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu là Trưởng Ban tổ chức lễ hội;
 - c) Lễ hội do cơ quan nhà nước ở địa phương tổ chức, trong đó Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân là Trưởng Ban tổ chức lễ hội.
2. *Lễ hội không phải do cơ quan nhà nước tổ chức* là lễ hội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.
3. *Di tích là cơ sở tôn giáo, do tổ chức tôn giáo quản lý, sử dụng* gồm chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, trụ sở của tổ chức tôn giáo, cơ sở hợp pháp khác của tổ chức tôn giáo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.
4. *Di tích thuộc sở hữu tư nhân* gồm công trình xây dựng, công trình kiến trúc, nghệ thuật do tư nhân tự đầu tư xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.
5. *Di tích giao cho người đại diện cơ sở tín ngưỡng quản lý, sử dụng* gồm đình, đền, miếu, nhà thờ dòng họ và những cơ sở tương tự khác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.
6. *Di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý di tích kiêm nhiệm quản lý, sử dụng* thực hiện theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý di tích kiêm nhiệm.
7. *Người đại diện cơ sở tín ngưỡng* là người được cộng đồng dân cư bầu, cử làm đại diện cơ sở tín ngưỡng và được Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản công nhận theo quy định tại Điều 11 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.
8. *Ban quản lý di tích kiêm nhiệm* là tổ chức hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, được thành lập theo quy định về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích của địa phương để bảo vệ và phát huy giá trị đối với một hoặc nhiều di tích trên địa bàn, nơi không đủ điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập; thành phần Ban quản lý di tích tùy theo quy định của địa phương.

9. *Tiền công đức, tài trợ* bao gồm các khoản hiến, tặng cho, tài trợ của tổ chức, cá nhân cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích dưới hình thức:

a) Bằng tiền (Đồng Việt Nam, ngoại tệ): Tiền chuyển khoản, tiền mặt bao gồm tiền mặt tiếp nhận trực tiếp, tiền trong hòm công đức (nếu có);

b) Bằng các loại giấy tờ có giá, kim khí quý, đá quý theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Chương II

QUẢN LÝ, THU CHI TÀI CHÍNH CHO CÔNG TÁC TỔ CHỨC LỄ HỘI

Điều 4. Nguồn tài chính để tổ chức lễ hội

1. Nguồn tài chính để tổ chức lễ hội bao gồm:

a) Tiền công đức, tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;

b) Thu từ hoạt động dịch vụ trong khu vực tổ chức lễ hội, bao gồm cho thuê địa điểm bán hàng lưu niệm, đồ ăn, đồ uống, quay phim, chụp ảnh; trông giữ xe; vận chuyển du khách và dịch vụ khác phù hợp với quy định của địa phương;

c) Tiền lãi phát sinh trên tài khoản tiền gửi mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại theo quy định;

d) Ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với lễ hội truyền thống (nếu có).

2. Tổ chức, cá nhân tổ chức lễ hội có trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn thu từ hoạt động lễ hội hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng mục đích, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng, chống tham nhũng.

Điều 5. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng kinh phí đối với lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức

1. Ban tổ chức lễ hội khi ban hành quy chế làm việc và phân công trách nhiệm của các thành viên Ban tổ chức lễ hội theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ, trong đó có nội dung phân công cho một đơn vị chức năng chủ trì thực hiện tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác tổ chức lễ hội.

2. Đơn vị được Ban tổ chức lễ hội giao chủ trì tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác tổ chức lễ hội có trách nhiệm:

a) Mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để phản ánh việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác tổ chức lễ hội theo hình thức chuyển khoản, phương thức thanh toán điện tử.

Trường hợp tiếp nhận bằng tiền mặt phải cử người tiếp nhận, mở sổ ghi chép đầy đủ số tiền đã tiếp nhận và gửi số tiền tạm thời nhàn rỗi vào tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để bảo đảm việc quản lý an toàn, minh bạch các khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân cho tổ chức lễ hội;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thành viên Ban tổ chức lễ hội lập kế hoạch thu, chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội, trình Trưởng Ban tổ chức lễ hội phê duyệt. Kế hoạch thu, chi được lập căn cứ vào chương trình, hoạt

động trong khuôn khổ lễ hội, khả năng các nguồn tài chính và nội dung chi, mức chi cho công tác tổ chức lễ hội theo quy định tại Điều 7 Thông tư này;

c) Sử dụng kinh phí cho lễ hội theo kế hoạch thu, chi đã được phê duyệt; các khoản chi phải có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định;

d) Mở sổ kế toán hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi cho công tác tổ chức lễ hội vào nguồn hoạt động khác được để lại của đơn vị;

đ) Kết thúc năm tài chính, lập báo cáo quyết toán kinh phí tổ chức lễ hội, trình Trưởng Ban tổ chức lễ hội phê duyệt. Đối với số dư kinh phí (nếu có) được chuyển sang năm sau sử dụng cho công tác tổ chức lễ hội năm sau; trường hợp năm sau không tổ chức lễ hội thì báo cáo Trưởng Ban tổ chức lễ hội để báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định việc tổ chức lễ hội xem xét, quyết định.

3. Đối với lễ hội truyền thống được ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Điều 6. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng kinh phí đối với lễ hội không phải do cơ quan nhà nước tổ chức

Tổ chức, cá nhân tổ chức lễ hội phải mở sổ sách ghi chép các khoản thu, chi cho công tác tổ chức lễ hội; tự quyết định và chịu trách nhiệm về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác tổ chức lễ hội, bảo đảm phù hợp với tôn chỉ, mục đích tổ chức lễ hội và quy định của pháp luật.

Điều 7. Nội dung chi, mức chi cho công tác tổ chức lễ hội

1. Nội dung chi tùy theo từng lễ hội bao gồm:

- a) Chi các hoạt động thông tin tuyên truyền, quảng bá về lễ hội;
- b) Chi phí treo, đặt các bảng, biển chỉ dẫn, trang trí, âm thanh, ánh sáng tạo sức hấp dẫn đối với khách tham dự, nghiên cứu lễ hội;
- c) Chi phục dựng, trình diễn, biểu diễn và thực hiện nghi lễ truyền thống;
- d) Chi ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại trong tổ chức lễ hội;
- đ) Chi tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí, văn hóa, văn nghệ, thể thao, hội nghị, hội thảo và các sự kiện giới thiệu về giá trị văn hóa của lễ hội;
- e) Chi công tác bảo đảm an ninh trật tự, y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ trong khu vực lễ hội;
- g) Chi thù lao cho các thành viên của Ban tổ chức lễ hội và những người được Ban tổ chức lễ hội cử tham gia hoạt động lễ hội;
- h) Chi văn phòng phẩm, in ấn, phô tô tài liệu, tiền điện, tiền nước, cước phí điện thoại, cước phí bưu chính, cước phí internet, lễ tân, khánh tiết; tiền sử dụng dịch vụ kỹ thuật; thuê địa điểm, thiết bị, nhân sự phục vụ sự kiện, thuê khác;
- i) Chi hương, hoa, lễ vật, đèn nhang; chi hoạt động từ thiện, nhân đạo và các khoản chi khác tùy theo thực tế của từng loại lễ hội và chủ thể tổ chức lễ hội.

2. Mức chi do Trưởng Ban tổ chức lễ hội quyết định, bảo đảm phù hợp tình hình thực tế, tiết kiệm, hiệu quả. Khuyến khích thực hiện theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 8. Chi ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với lễ hội truyền thống

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động phục dựng, phát huy giá trị lễ hội truyền thống nhằm khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, duy trì các giá trị văn hóa đặc sắc, tiêu biểu, đáp ứng đời sống tinh thần của nhân dân.

2. Mức ngân sách hỗ trợ cụ thể được căn cứ vào thực tế của hoạt động phục dựng, phát huy giá trị lễ hội truyền thống, quy mô của lễ hội, khả năng huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước cho tổ chức lễ hội, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và do cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước.

3. Các khoản chi ngân sách nhà nước hỗ trợ lễ hội truyền thống chỉ được thực hiện khi có dự toán được cấp có thẩm quyền giao và phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

4. Đơn vị được giao chủ trì tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác tổ chức lễ hội thực hiện lập dự toán, chấp hành ngân sách nhà nước, kế toán và quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ được hạch toán vào loại 160, khoản 161 (sự nghiệp văn hóa thông tin), chi tiết theo mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước.

Chương III QUẢN LÝ, THU CHI TIỀN CÔNG ĐỨC, TÀI TRỢ CHO DI TÍCH VÀ HOẠT ĐỘNG LỄ HỘI

Điều 9. Tiếp nhận tiền công đức, tài trợ

1. Mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để phản ánh việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ theo hình thức chuyển khoản, phương thức thanh toán điện tử.

2. Tiếp nhận tiền mặt: Mở sổ ghi chép số tiền đã tiếp nhận; đối với tiền trong hòm công đức (nếu có), định kỳ hằng ngày, hằng tuần hoặc hằng tháng thực hiện kiểm đếm, ghi tổng số tiền tiếp nhận. Đối với số tiền tạm thời nhận rồi gửi vào tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để bảo đảm việc quản lý an toàn, minh bạch các khoản công đức, tài trợ đã tiếp nhận.

3. Tiếp nhận giấy tờ có giá: Mở sổ ghi tên giấy tờ có giá, số tiền ghi trên giấy tờ có giá, tổ chức phát hành. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng giấy tờ có giá, bao gồm thanh toán trước hạn hoặc thanh toán khi đến hạn, tùy theo yêu cầu quản lý và nguyện vọng của tổ chức, cá nhân hiến, tặng cho (nếu có).

4. Tiếp nhận kim khí quý, đá quý: Mở sổ ghi tên kim khí quý, đá quý và giá trị tương ứng theo tài liệu do tổ chức, cá nhân hiến, tặng, cho cung cấp. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng kim khí quý, đá quý, bao gồm tổ chức bán đấu giá hoặc bán cho ngân hàng thương mại hoặc đưa vào lưu giữ, trưng bày tại di tích, tùy theo yêu cầu quản lý và nguyện vọng của tổ chức, cá nhân hiến, tặng cho (nếu có).

Điều 10. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích là cơ sở tôn giáo, do tổ chức tôn giáo quản lý, sử dụng

1. Tiền công đức, tài trợ cho di tích là cơ sở tôn giáo, do tổ chức tôn giáo quản lý, sử dụng là tài sản của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

2. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc vận dụng các quy định có liên quan tại Thông tư này để thực hiện việc tiếp nhận tiền công đức, tài trợ và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

Điều 11. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích thuộc sở hữu tư nhân

1. Tiền công đức, tài trợ cho di tích thuộc sở hữu tư nhân là tài sản của chủ sở hữu di tích.

2. Chủ sở hữu di tích vận dụng các quy định có liên quan tại Thông tư này để thực hiện việc tiếp nhận tiền công đức, tài trợ và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

Điều 12. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích giao cho người đại diện cơ sở tín ngưỡng quản lý, sử dụng

1. Tiền công đức, tài trợ cho di tích giao cho người đại diện cơ sở tín ngưỡng quản lý, sử dụng là tài sản thuộc sở hữu chung của cộng đồng.

2. Người đại diện cơ sở tín ngưỡng vận dụng các quy định có liên quan tại Thông tư này để thực hiện việc tiếp nhận tiền công đức, tài trợ và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

Điều 13. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng

1. Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện tiếp nhận tiền công đức, tài trợ theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

2. Số tiền công đức, tài trợ đã tiếp nhận được sử dụng như sau:

a) Trích theo tỷ lệ phần trăm (%) để tạo nguồn kinh phí tu bổ, phục hồi đối với di tích khác trên địa bàn cấp tỉnh; số tiền này chuyển vào tài khoản riêng của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định tại Điều 16 Thông tư này;

b) Trích để lại theo tỷ lệ phần trăm (%) để chi hoạt động lễ hội theo quy định tại Điều 5 Thông tư này (áp dụng đối với di tích có hoạt động lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức định kỳ tại di tích). Trường hợp đơn vị không được Ban tổ chức lễ hội giao quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức lễ hội thì chuyển số tiền này vào tài khoản của đơn vị được Ban tổ chức lễ hội giao quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức lễ hội theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

c) Trích để lại theo tỷ lệ phần trăm (%) để chi hoạt động thường xuyên của đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này: Mức trích căn cứ vào phương án tự chủ tài chính của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đơn vị tổng hợp khoản kinh phí này vào nguồn hoạt động khác được để lại và phân bổ vào kinh phí thường xuyên giao tự chủ để sử dụng theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Số tiền còn lại, được để lại chi các nhiệm vụ đặc thù theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này. Đơn vị tổng hợp khoản kinh phí này vào nguồn hoạt động khác được để lại và phân bổ vào kinh phí thường xuyên không giao tự chủ. Đến cuối năm, số dư kinh phí (nếu có) được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng cho các nhiệm vụ đặc thù của di tích.

Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng Quyết định hoặc sửa đổi, bổ sung Quyết định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ, trong đó quy định cụ thể mức trích theo tỷ lệ phần trăm (%) theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này và quy trình giám sát việc thực hiện tiếp nhận tiền công đức, tài trợ áp dụng tại di tích; báo cáo cơ quan quản lý cấp trên hoặc cơ quan tài chính cùng cấp để chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền thành lập đơn vị sự nghiệp công lập ban hành.

3. Hằng năm, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện lập dự toán và báo cáo quyết toán gửi cơ quan quản lý cấp trên hoặc cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định của pháp luật; trong đó số thu, chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội được tổng hợp vào nguồn hoạt động khác được để lại của đơn vị.

4. Trường hợp trên địa bàn di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng có di tích là cơ sở tôn giáo, do tổ chức tôn giáo quản lý, sử dụng:

a) Trường hợp cơ sở tôn giáo được hình thành từ đóng góp của thành viên tổ chức; quyên góp, tặng cho của tổ chức, cá nhân hoặc các nguồn khác theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo:

Việc tiếp nhận tiền công đức, tài trợ và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích thuộc quyền và trách nhiệm của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm chi trả cho đơn vị sự nghiệp công lập một phần chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình phụ trợ dùng chung; chi phí bảo đảm an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường và các khoản chi phí quản lý chung khác trên địa bàn di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng. Mức chi trả theo tỷ lệ phần trăm (%) trên số thu tiền công đức, tài trợ, được quy định trong Quyết định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Trường hợp cơ sở tôn giáo được hình thành theo tập quán, do các thành viên của cộng đồng cùng nhau đóng góp, quyên góp, được tặng cho chung theo quy định tại khoản 3 Điều 56 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo:

Việc tiếp nhận tiền công đức, tài trợ và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích thuộc quyền và trách nhiệm của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc và đơn vị sự nghiệp công lập.

Số tiền công đức, tài trợ đã tiếp nhận được sử dụng như sau: Trích theo tỷ lệ phần trăm (%) cho người đại diện cơ sở tôn giáo để sử dụng cho hoạt động của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; phần còn lại giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý để sử dụng cho hoạt động đặc thù về bảo vệ và phát huy

giá trị di tích theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này. Mức trích cụ thể được quy định trong Quyết định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 14. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích giao cho Ban quản lý di tích kiêm nhiệm quản lý, sử dụng

1. Ban quản lý di tích thực hiện tiếp nhận tiền công đức, tài trợ theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

2. Số tiền công đức, tài trợ đã tiếp nhận được sử dụng như sau:

a) Trích theo tỷ lệ phần trăm (%) để tạo nguồn kinh phí tu bổ, phục hồi đối với di tích khác trên địa bàn cấp tỉnh; số tiền này chuyển vào tài khoản riêng của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định tại Điều 16 Thông tư này;

b) Trích để lại theo tỷ lệ phần trăm (%) để chi hoạt động lễ hội theo quy định tại Điều 5 Thông tư này (áp dụng đối với di tích có hoạt động lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức định kỳ tại di tích). Trường hợp Ban quản lý di tích không được Ban tổ chức lễ hội giao quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức lễ hội thì chuyển số tiền này vào tài khoản của đơn vị được Ban tổ chức lễ hội giao quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức lễ hội theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

c) Trích để lại theo tỷ lệ phần trăm (%) để chi hoạt động thường xuyên của Ban quản lý di tích theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này;

d) Số tiền còn lại, được để lại chi các nhiệm vụ đặc thù theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này. Đến cuối năm, số dư kinh phí (nếu có) được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng cho các nhiệm vụ đặc thù của di tích.

Mức trích cụ thể theo tỷ lệ phần trăm (%) tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Ban quản lý di tích thực hiện phân công cho một đơn vị chức năng là thành viên của Ban quản lý di tích chủ trì thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Mở tài khoản, mở sổ sách, mở sổ kế toán để ghi chép, hạch toán đầy đủ, kịp thời việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội vào nguồn hoạt động khác được để lại của đơn vị;

b) Hằng năm, thực hiện lập dự toán và báo cáo quyết toán thu, chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội theo quy định, trình Trưởng Ban quản lý di tích phê duyệt; gửi cơ quan tài chính và cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp trên để phục vụ cho công tác quản lý và giám sát thực hiện.

Điều 15. Nội dung chi, mức chi bảo vệ và phát huy giá trị di tích

1. Các khoản chi thường xuyên bao gồm:

a) Chi tiền lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo tiền lương đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc tại di tích;

b) Chi thù lao cho người được cử trông coi hoặc cử tham gia các hoạt động khác tại di tích không thuộc đối tượng quy định tại điểm a Khoản này;

c) Chi hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo (đối với di tích là cơ sở tôn giáo, do tổ chức tôn giáo quản lý, sử dụng);

d) Chi thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin, liên lạc, hội nghị, công tác phí, chi phí nghiệp vụ chuyên môn, lễ tân, khánh tiết, chi phí thuê mướn; chi mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn.

2. Các khoản chi đặc thù bao gồm:

- a) Chi các hoạt động thông tin tuyên truyền, quảng bá về di tích;
- b) Chi phí treo, đặt các bảng, biển chỉ dẫn, trang trí, âm thanh, ánh sáng tạo sức hấp dẫn đối với khách tham quan, nghiên cứu di tích;
- c) Chi công tác bảo đảm an ninh trật tự, y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai, dịch bệnh;
- d) Chi sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên di tích; chi tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa;
- đ) Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình phụ trợ thuộc di tích gồm nhà làm việc, nhà khách, nhà ăn, nhà bếp, nhà vệ sinh, đường nội bộ, đường điện, cấp thoát nước, bãi đỗ xe, tường rào khuôn viên và công trình tương tự khác phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Chi ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, công nghệ số nhằm hỗ trợ nâng cao trải nghiệm của khách tham quan, du lịch, nghiên cứu di tích;
- g) Chi trông và chăm sóc cây hoa, cây cảnh trong phạm vi địa bàn di tích;
- h) Chi phí về chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng, sở hữu tài sản; tổ chức bán đấu giá; thuê định giá kim khí quý, đá quý; thuê giám định hiện vật được phép mua bán, trao đổi, tặng cho theo quy định của pháp luật;
- i) Chi hương, hoa, lễ vật, đèn nhang; chi hoạt động từ thiện, nhân đạo;
- k) Các khoản chi khác có liên quan tùy theo thực tế của từng loại di tích và chủ thể là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích.

3. Mức chi do người đứng đầu của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích quyết định, bảo đảm phù hợp tình hình thực tế, tiết kiệm, hiệu quả. Khuyến khích thực hiện theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 16. Quản lý, sử dụng kinh phí tu bổ, phục hồi di tích

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì thực hiện các nhiệm vụ sau:

- a) Mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước để phản ánh việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho việc tu bổ, phục hồi di tích;
- b) Xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản quy định về tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn, lựa chọn danh mục di tích, phân bổ kinh phí, thanh quyết toán kinh phí, kiểm tra, giám sát, chế độ báo cáo, phân công trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị và các vấn đề khác có liên quan.

2. Chi phí tiếp nhận và quản lý tiền công đức, tài trợ cho việc tu bổ, phục hồi di tích của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm theo quy định.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát các văn bản quy định của địa phương liên quan đến quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội trên địa bàn để trình cơ quan có thẩm quyền tại địa phương ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định tại Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân tổ chức lễ hội và tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích theo quy định tại Thông tư này có trách nhiệm:

a) Công khai việc thu, chi các khoản hỗ trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện cho tổ chức, cá nhân đã có đóng góp tài chính cho công tác tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích (nếu tổ chức, cá nhân này có yêu cầu);

b) Cung cấp kịp thời thông tin theo yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Tài chính; Sở Nội vụ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT, các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN. (250)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Thành Hưng